

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ- ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2024
“V/v *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và Ông Phùng Văn Thị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Hồng Th**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu 4, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Bị đơn: Anh **Hoàng Bảo Th1**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu 4, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(Chị Th có mặt, anh Th1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Hồng Th trình bày:

Chị và anh Hoàng Bảo Th1 kết hôn với nhau ngày 25/12/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ, hai bên tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị thuê nhà ra ở riêng, đến năm 2016 thì xây nhà trên đất bố mẹ chồng cho. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2020, nguyên nhân do không hợp nhau, anh Th1 đi làm ăn ở Hà Nội nhưng chỉ chu cấp tiền sinh hoạt cho gia đình được một thời gian đầu rồi bỏ mặc mọi thứ cho chị, không có trách

nhiệm với gia đình, thỉnh thoảng mới về thăm nhà một vài hôm rồi lại đi. Vợ chồng chị đã sống ly thân hơn một năm nay. Chị có đề cập việc ly hôn với anh Th1, anh Th1 cũng đồng ý, nhưng nói sẽ không về giải quyết. Hai bên gia đình đã hòa giải, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Th1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

- Về con chung: Chị và anh Th1 có 02 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 25/5/2009 và Hoàng Nguyên Đ, sinh ngày 17/10/2011, hiện nay cả 02 cháu đang ở với chị tại khu 4, xã N. Nay ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Hoàng Bảo Th1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Th1 và cũng không tiến hành hòa giải được.

* Xác minh tại địa phương nơi chị Đặng Thị Hồng Th và anh Hoàng Bảo Th1 chung sống, trưởng khu dân cư và chính quyền địa phương xã N, huyện T cung cấp: Quá trình chung sống anh Th1, chị Th phát sinh mâu thuẫn do anh Th1 không có trách nhiệm với gia đình, còn cụ thể như thế nào thì khu dân cư và địa phương không nắm được cụ thể vì chưa lần nào vợ chồng chị Th yêu cầu can thiệp, hoà giải. Nay chị Th yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của công dân. Anh Th1 hiện đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng mới về nhà một vài ngày rồi đi ngay, không thường xuyên có mặt tại địa phương, bố mẹ anh Th1 từ chối nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án nên việc giao các văn bản gặp nhiều khó khăn, đề nghị Tòa án làm thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

* Mẹ đẻ của anh Th1 là bà Nguyễn Thị G cung cấp: Năm 2008, anh Th1 kết hôn với chị Th. Mâu thuẫn giữa anh Th1, chị Th phát sinh từ ngay sau khi kết hôn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày, thường xô xát, cãi vã. Gia đình bà đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, nguyện vọng của gia đình bà vẫn muốn anh chị đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng nếu chị Th nhất quyết muốn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử cho chị Đặng Thị Hồng Th và anh Hoàng Bảo Th1 được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 25/5/2009 và cháu Hoàng Nguyên Đ, sinh ngày 17/10/2011 cho chị Đặng Thị Hồng Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Hoàng Bảo Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Do chị Đặng Thị Hồng Th không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này chị Th hoặc anh Hoàng Bảo Th1 có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị Hồng Th phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Đặng Thị Hồng Th có đơn ly hôn anh Hoàng Bảo Th1. Chị Th và anh Th1 đều cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Hoàng Bảo Th1 không lần nào có mặt để làm việc. Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Th1 vẫn vắng mặt không có lý do; Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hồng Th và anh Hoàng Bảo Th1 kết hôn với nhau tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Th trình bày và kết quả xác minh, làm việc với gia đình anh Th1 và địa phương nơi chị Th, anh Th1 cư trú thì nguyên nhân anh Th1, chị Th mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày, thường xảy ra xô xát, cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh Th1 và chị Th đã sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm tới ai. Xét Mâu thuẫn giữa chị Th và anh Th1 đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Th là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 02 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 25/5/2009 và Hoàng Nguyên Đ, sinh ngày 17/10/2011, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị Th. Nay ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy hiện nay anh Th1 đi làm xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương; chị Th có chỗ ở ổn định, làm thợ may tại nhà, đủ khả năng, điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là hợp tình, hợp lý, phù hợp nguyện vọng của các con đều trên 7 tuổi. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con, nên không cần buộc anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đặng Thị Hồng Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày vợ chồng không có nợ chung. Tuy nhiên, do anh Hoàng Bảo Th1 vắng mặt nên chưa có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Đặng Thị Hồng Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Đặng Thị Hồng Th được ly hôn anh Hoàng Bảo Th1.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 25/5/2009 và Hoàng Nguyên Đ, sinh ngày 17/10/2011 (hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị Th tại khu 4, xã N, huyện T). Anh Hoàng Bảo Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th không yêu cầu. Anh Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Do chị Đặng Thị Hồng Th không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này chị Th hoặc anh Hoàng Bảo Th1 có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị Hồng Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2020/0003803, ngày 04 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Minh Hòa

